

Viên nén đặc biệt

Viên ngậm, viên đặt dưới lưỡi

- TD
 - Tại chỗ: sát trùng, chống viêm
 - Toàn thân: nitroglycerine trị đau thắt ngực
 - Yêu cầu
 - Giải phóng từ từ (mòn dần)
 - Mùi vị:
 - không tăng tiết nước bọt
 - dễ chịu
 - không sạn
 - Cơ chế
 - Hòa tan: @ nước bọt (pH gần trung tính) (6.2-7.6)
 - Hấp thu: @ niêm mạc dưới lưỡi --> TM cổ
- Tránh được: dạ dày, FPM

Viên nén phụ khoa

- Dạng: viên trứng, viên sỏi bột (cho dễ thấm)
- Tá dược
 - Tá dược không tan: không nên cho vào (để cho vệ sinh)
 - Tá dược độn: thường cho lactose (để tạo MT acid kháng nấm)

Viên pha

Viên pha thành dung dịch (Soluble)

- Yêu cầu: Tan hoàn toàn trong nước
- Đường dùng
 - Uống
 - Dùng ngoài

Viên pha thành hỗn dịch (Dispersible)

- Pha với nước --> hỗn dịch
 - Thành phần thêm:
 - chất gây thấm
 - chất tăng độ nhớt MT (bột, cốm pha) → tạo HD đồng nhất, ổn định
 - Yêu cầu:
 - Tan
 - nhanh
 - đồng nhất
- ⇒ Cần tá dược ..
- .. rãi: cần khá nhiều
 - .. sỏi: không cần nhiều như viên pha dung dịch

Viên nhai (chewable)

- Như viên uống nhưng cần có chất điều vị
- TD: tại chỗ, toàn thân

Viên phân tán trong miệng (orodispersible)

- Yêu cầu: phân tán nhanh @ nước bọt trước khi nuốt (3min)
- TD: thể hiện sau khi nuốt và hấp thụ vào đường tiêu hóa

Viên nén cấy dưới da (Implant)

- Giải phóng rất chậm (qua MM)
- TD: toàn thân
- Đường dùng: đặt dưới da qua một đường rạch nhỏ
- Yêu cầu: vô khuẩn
e.g: hormon
(que cấy tránh thai tác dụng trong thời gian 3 năm; que cấy testosterone cho nam, viên nén cấy trong mắt)

Viên sỏi bột (Effervescent)

- Pha thành: dung dịch or hỗn dịch
 - Đường dùng
 - Uống
 - Dùng ngoài
 - Tá dược sỏi
 - acid hữu cơ (citric, tartaric)
 - 1 carbonat kiềm (Na_2CO_3 , NaHCO_3)
-- H_2O --> CO_2 => tan, sỏi bột trong 1-2 min
- Hòa tan được chất luôn --> qua dạ dày nhanh
- Ưu điểm
 - Tăng SKD: Khuếch tán tốt -> hấp thu nhanh
 - Giảm kích ứng dạ dày
 - Nhược điểm
 - Kiềm
 - Không dùng cho người kiêng muối
 - Có thể gây kiềm máu
 - Bảo quản khó
 - Có thể thay đổi hấp thu thuốc dùng cùng